

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS - ST
Ngày: 15 - 5 - 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quốc Cần
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 Trần Đ, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn S. Chức vụ: Phó chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Kiên Giang (văn bản ủy quyền số: 6650/2017/QĐ - TGD, ngày 20/6/2017).

Địa chỉ: Số C Lạc I, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Dương Bình Y, sinh năm: 1992. Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch Giồng Riềng - Chi nhánh Kiên Giang (văn bản ủy quyền số 334/2019/QĐ - Lienvietpostbank, ngày 22/4/2019) “có mặt”.

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Quang T, sinh năm: 1981 “có đơn đề nghị vắng mặt”.

Địa chỉ: Số 242, ấp H1, xã N1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Dương Bình Y trình bày:

Ngày 02/02/2016, ông Trương Quang T có ký kết hợp đồng tín dụng số: 0352/2016/KG/HĐTD - Lienvietpostbank với Ngân hàng thương mại cổ phần A, nội dung vay tiền và thỏa thuận như sau:

Số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Mục đích vay tiêu dùng; Hình thức vay tín chấp; Thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 04/02/2016), ngày đến hạn trả nợ là ngày 05/02/2018; Lãi suất cho vay trong hạn 14,5%/ năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng trả 01 lần vào ngày 05, chia làm 04 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 7.500.000đ, kỳ đầu tiên trả nợ ngày 05/8/2016; Kỳ hạn trả tiền lãi 03 tháng trả 01 lần vào ngày 05, chia làm 08 kỳ trả nợ, kỳ đầu tiên trả nợ ngày 05/5/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã trả tiền lãi được 01 kỳ là 1.099.583đ (kỳ đầu tiên, trả ngày 06/5/2016).

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì trước 10 ngày của kỳ hạn trả nợ (gốc hoặc lãi theo kỳ) nếu bên vay chưa có khả năng trả nợ thì phải có văn bản đề nghị gia hạn gửi cho Ngân hàng để xem xét gia hạn việc trả nợ, nếu không thực hiện thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

Ngày 05/8/2016, là kỳ đầu tiên trả tiền vốn vay và trả tiền lãi kỳ tiếp theo nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không có văn bản đề nghị gia hạn gửi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2016 cho đến nay.

Kể từ lúc ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, Ngân hàng có nhắc nhở, thông báo và yêu cầu ông T nhiều lần trong việc thanh toán nợ nhưng ông T chưa thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trương Quang T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, các khoản tiền sau:

Tiền vay vốn 30.000.000đ; Tiền lãi trong hạn kể từ ngày 06/5/2016 đến ngày 05/8/2016 là 1.111.666đ và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 06/8/2016 tạm tính đến ngày 15/5/2019 là 18.360.625đ, tổng cộng 19.472.291đ tính tròn 19.472.000đ;

Tổng cộng cả vốn và lãi: $30.000.000 + 19.472.000đ = 49.472.000đ$ (Bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, yêu cầu ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi tương ứng với dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Ông Trương Quang T là bị đơn trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc: Ông ký kết hợp đồng tín dụng số: 0352/2016/KG/HĐTD - Lienvietpostbank, ngày 02/02/2016 với Ngân hàng thương mại cổ phần A, các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tiền lãi đã trả, tiền vốn - tiền lãi còn thiếu, kể từ ngày 06/5/2016 cho đến nay là đúng.

Ông đồng ý trả cho Ngân hàng tiền vay vốn 30.000.000đ và tiền lãi còn thiếu theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 06/5/2016 cho đến khi thanh toán dứt nợ, nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên xin trả dần 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu ông Trương Quang T phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông T vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Quang T là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trương Quang T có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 02/02/2016, ông Trương Quang T ký kết hợp đồng tín dụng số: 0352/2016/KG/HĐTD - Lienvietpostbank với Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay tiền 30.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông T đã trả tiền lãi 1.099.583đ (trả kỳ đầu tiên vào ngày 06/5/2016). Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng của hai bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật. Do đó, ông T và Ngân hàng thương mại cổ phần A phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì việc trả nợ (tiền vốn và tiền lãi) được thực hiện theo kỳ, nếu đến kỳ hạn trả nợ ông T chưa thực hiện nghĩa vụ thì phải có văn bản đề nghị gửi cho Ngân hàng xem xét việc gia hạn trả nợ nhưng ông T không thực hiện. Do đó, việc Ngân hàng đã thông báo chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn, kể từ ngày 05/8/2016 cho đến nay là đúng với sự thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuy ông T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo bản tự khai ông cũng thừa nhận việc: Ông vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng; Còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn gốc 30.000.000đ và tiền lãi kể từ 06/5/2016 đến nay. Nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên xin trả dần 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Mặt khác, hợp đồng tín dụng nay đã quá hạn nhưng ông T chưa trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Do đó, việc Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu: Buộc ông Trương Quang T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A: Tiền vay vốn 30.000.000đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 15/5/2019 là 19.472.000đ. Tổng cộng cả vốn và lãi là 49.472.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi tương ứng với dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Việc ông T xin trả dần số nợ nêu trên nhưng không được đại diện Ngân hàng chấp nhận, sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3]. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Trương Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $49.472.000đ \times 5\% = 2.473.600đ$ tính tròn 2.474.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Trương Quang T. Buộc ông Trương Quang T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A các khoản tiền sau:

Tiền vay vốn: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

Tiền lãi là: 19.472.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng: 49.472.000đ (Bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không trả đủ số tiền nêu trên, thì ông T còn phải trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng), nộp chuyển khoản ngày 20/12/2018, theo biên lai thu tiền số 0007369 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trương Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.474.000đ. (Hai triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 15/5/2019; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Danh Thanh Phát